

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST  
Ngày: 25-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
hứa thưởng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng hứa thưởng quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N (tên khác: Nu), sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: khóm T, phường A, thị xã HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1968;

3.2 Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994.

Người đại diện hợp pháp cho bà Ngô Thị Lệ T, anh Nguyễn Ngọc T theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019). Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

4. *Người làm chứng*: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1975; Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972; Ông Ngô Công L, sinh năm 1962; Ông Trương Văn B, sinh năm 1955. Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT; Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: khóm T, phường A, thị xã HN, tỉnh ĐT. Tất cả đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2019, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, trình bày:

Chị là con của ông Nguyễn Thanh P (đã chết). Khi cha chị còn sống đã đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Q khởi kiện bà Nguyễn Thị P1 yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông bà nội chị là cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Ngô Thị P2. Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án thì ông P chết người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông P là chị, anh T, bà T. Đồng thời, ông N, bà P, bà Q tiếp tục ủy quyền cho chị để tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện HN và Tòa án tỉnh ĐT. Tại bản án số 26/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án số 133/2019/DS-PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đều chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông P, ông N, bà Q, bà P. Việc ông P và chị đại diện cho ông N, bà P, bà Q khởi kiện thì bà Q, bà P có hứa là sau khi thắng kiện sẽ cho ông P phần đất có chiều ngang 03m chiều dài từ đường đến hết đất đối với phần đất yêu cầu chia thừa kế là thửa 930, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT do bà P1 đứng tên quyền sử dụng đất còn ông N thì nói không nhận đất mà sẽ cho ông P hết phần đất được chia. Việc thỏa thuận cho đất sau khi thắng kiện thì không có làm văn bản, không có ai chứng kiến chỉ có ông P, ông N, bà P, bà Q và chị biết. Sau khi thắng kiện thì bà P, bà Q đã thực hiện lời hứa, cho chị phần đất như đã hứa còn ông N thì không thực hiện lời hứa của mình nhưng chị không yêu cầu ông N cho hết đất của mình được chia theo bản án phúc thẩm số 133/2019/DS-PT ngày 24/5/2019 mà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn N thực hiện lời hứa thương giao cho chị phần đất theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngày 12/02/2020 có diện tích 180m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc từ M6, M7, M13, M14 trở lại M6 thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT từ phần đất ông N được hưởng theo bản án số 26/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án số 133/2019/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT. Ngoài ra, chị không yêu cầu nào khác. Không thống nhất việc ông N đồng ý cho chị 5.000.000đ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Văn Nhụy đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N vẫn không có mặt.

Tại bản khai ngày 02/12/2019, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2019 và tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn N, trình bày: Ông

là chú ruột của chị N. Trước đây ông có ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh P (đã chết, tức cha ruột chị N) đi khởi kiện chia thừa kế phần đất tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT với bà Nguyễn Thị P1. Ông P tự làm đơn khởi kiện chia thừa kế nhưng lúc ông P làm đơn thì ông không biết, ông không có ký tên vào đơn khởi kiện để chia thừa kế. Ông có ký tên vào giấy ủy quyền để ông P thay mặt ông đi khởi kiện tại Tòa án nhưng trước khi ông ký vào tờ ủy quyền, ông và ông P có thỏa thuận, ông P khởi kiện như thế nào thì ông không biết, không biết ông P có gian lận trong việc khởi kiện không, nghĩa là nội dung đơn khởi kiện ông P ghi đăng này nhưng nói với ông có thể là đăng khác nên ông mới thỏa thuận với ông P là: ông P khởi kiện, nếu thắng kiện ông được chia đất thì đất được chia là của ông, ông không cho ông P bất kỳ khoản đất nào khi thắng kiện hay trả khoản tiền nào cho ông P khi thua kiện, tất cả các chi phí thừa kiện, liên hệ với các cơ quan tố tụng cũng như tất cả những vấn đề khác để có thể giải quyết vụ kiện thì ông P chịu hết, ông không chịu bất kỳ chi phí nào, nếu ông P đồng ý thì ông mới ký ủy quyền cho ông P thay ông đi khởi kiện chia thừa kế. Việc ông và ông P thỏa thuận không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng, không có ai chứng kiến. Ông P là người nộp tiền tạm ứng án phí, chi phí khác. Quá trình khởi kiện chia thừa kế phần đất tại ấp T, xã T thì ông không chi bất kỳ khoản chi phí nào hết mà còn được nhận được tiền tạm ứng án phí mà Thi hành án đưa cho ông do ông P nộp trước đó. Khi ông P chết thì ông có ký giấy ủy quyền cho chị N đi khởi kiện, ông chỉ ủy quyền cho chị N với nội dung là để chị N được hưởng phần tài sản của ông P, chứ không phải thay mặt ông tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng sau khi ông P chết thì ông không có tham gia hòa giải hay liên hệ với Tòa án huyện HN cũng như khi Tòa án tỉnh ĐT xét xử.

Bản án Tòa án huyện HN và Tòa án tỉnh ĐT tuyên cho ông được hưởng phần đất có chiều ngang 11,8m, chiều dài không biết, chỉ biết đến đường nước và được 7.816.000đ. Ngoài ra, không còn chia tài sản nào khác. Ông được nhận lại hơn 300.000đ tiền tạm ứng án phí, ông quản lý và sử dụng tiền này. Vì ông P có hứa với ông là ông không chịu bất kỳ chi phí nào nên tiền ông P đã nộp trước đây ông nhận tại Thi hành án dân sự huyện HN là của ông. Tòa án có đọc cho ông bản khai của ông ngày 24/01/2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/3/2018 thì ông thống nhất lời khai và chữ ký là của ông. Việc chị N yêu cầu ông thực hiện lời hứa thưởng giao cho chị N phần đất có diện tích chiều ngang 03m x chiều dài khoảng 63m thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT từ phần đất ông được hưởng theo bản án số 26/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án số 133/2019/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT thì ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N, vì ông không có hứa hoặc đồng ý cho chị N hay ông P đất. Nay hoàn cảnh của ông, chị N đều khó khăn nên ông đồng ý cho chị N 5.000.000đ. Hiện ông chưa đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Ông chưa từng nói với ông L, ông B là phần đất ông được cho ở xã T sau khi thắng kiện cho chị N bán trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2019 bà Ngô Thị Lệ T, trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh P (đã chết ngày 24/5/2018 âm lịch), là mẹ của chị N. Không nhớ ngày tháng năm bà và ông P có đến nhà ông N bàn về chuyện khởi

kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị P1. Lúc đó ông N nói ông P “thừa thì ông P lấy đất làm gì thì làm, ông N không lấy đất”, ông N nói “con ông N lấy đất thì ông N sẽ chặt tay hết”, nghĩa là không nhận tài sản gì của cha mẹ chồng bà để lại. Việc ông N nói chỉ có vợ chồng bà và ông N, không có người ngoài chứng kiến. Việc ông N không lấy đất thì bà nghe ông N nói đất có bao nhiêu dẫu mà lấy, chỉ có 10 thước. Lúc đám ma tang ông P thì bà nghe ông N nói là “phần đất thừa nếu thắng thì phần ăn của ông N sẽ không lấy, để lại cho ông P bán trả nợ”, việc ông N nói cho ông P đất nếu được chia đất thì có ông Tám L, ông Ba B không biết họ tên, năm sinh, cùng địa chỉ tại ấp T, xã T, chứng kiến. Ngoài ra, việc ông N hứa cho đất khi thắng kiện thì không có làm giấy tờ nhưng có bà Pg, bà Q là em ruột của ông P, ông N chứng kiến. Đồng thời, bà P, bà Q đã làm tờ tặng cho đất cho chị N sau khi thắng kiện, bà Q cho chị N chiều ngang đất là 03m còn bà P thì cho chiều ngang 3,5m còn chiều dài từ đường đến hết đất.

Việc chị N yêu cầu ông N thực hiện lời hứa thưởng giao cho chị N phần đất có diện tích chiều ngang 03m x chiều dài khoảng 63m thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT từ phần đất ông N được hưởng theo bản án số 26/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án số 133/2019/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT thì bà không có tranh chấp gì, nếu chị N thắng kiện thì bà thống nhất để chị N được sở hữu và đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất hiện đang tranh chấp. Nếu Tòa án buộc ông N trả tiền chi phí mà ông P, chị N đại diện ông N tham gia tố tụng chia thừa kế quyền sử dụng đất thì bà cũng không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với tiền mà chị N được hứa hưởng. Do bà đi làm tại tỉnh Bình Dương nên làm thủ tục ủy quyền lại cho chị N tham gia tố tụng trong vụ kiện tranh chấp với ông N. Ngoài ra, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2019 anh Nguyễn Ngọc T, trình bày: Anh là con ruột của bà T, anh thống nhất những gì bà T đã trình bày. Không bổ sung gì thêm. Việc chị N khởi kiện ông N thực hiện lời hứa thưởng thì anh không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Nếu chị N thắng kiện thì tài sản là quyền sử dụng đất hay tiền là của chị N. Ngoài ra, anh không có tranh chấp hay yêu cầu gì khác.

Người làm chứng:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2020 bà Nguyễn Thị P, trình bày: Bà là em ruột của ông N, cô ruột của chị N, bà không có mâu thuẫn gì với ông N, chị N. Bà không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ có lần anh chị em và xóm giềng ngồi chung với nhau, không nhớ lúc đó có mặt những ai chỉ nhớ nghe ông N nói với ông P là ông P đại diện cho các em là bà, bà Q, ông N khởi kiện yêu cầu bà P chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại, nếu thắng kiện thì ông N cho ông P phần đất có diện tích chiều ngang 03m, chiều dài không biết bao nhiêu nhưng không hiểu sao, sau khi thắng kiện đòi được đất thì ông N đổi ý, nói không cho nữa. Nếu ông N không khởi kiện, không hứa cho đất sau khi thắng kiện thì ông P, chị N sẽ không đi thưa kiện hay nhận ủy quyền thay ông N. Việc bà, bà Q, ông N ủy quyền cho ông P, chị N khởi kiện chia thừa kế và có hứa sau khi thắng kiện cho đất thì không có làm văn bản hay giấy tờ gì, chỉ có anh em thỏa thuận miệng với nhau.

Sau khi thắng kiện và bản án có hiệu lực thì bà và bà Q cũng đã thống nhất cho chị N phần đất có diện tích chiều ngang 03m, chiều dài từ mí đường đến hết đất còn ông N thì nói bà và bà Q cho thì cho, ông N không cho đất gì cả. Khi cán bộ Thi hành án xuống giao đất cho bà, bà P1, bà Q, ông N và chị N (hưởng phần của ông P) thì bà và ông N đã đổi đất với nhau. Nghĩa là, trước đây phần thừa kế của bà là giáp ranh với bà P1 nay đổi lại phần của bà giáp ranh với bà Q, việc bà đổi đất với ông N không có làm văn bản, giấy tờ gì với ông N, không biết cán bộ Thi hành án có cho bà và ông N đổi đất không, hiện bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N đã hứa cho đất khi thắng kiện thì nên giữ lời, bà có từng khuyên ông N cho đất chị N nhưng ông N không đồng ý, còn chửi bà. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất được hưởng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2020 bà Nguyễn Thị Q, trình bày: bà là em ruột của ông N, cô ruột của chị N, bà không có mâu thuẫn gì với ông N, chị N. Bà có biết việc chị N và ông N đang tranh chấp hợp đồng hứa thưởng liên quan đến việc ông P, chị N nhận ủy quyền của ông N thừa kiện bà P1 tại Tòa án. Không nhớ ngày tháng 8 năm 2019, thời điểm đó, Nhà nước thu hồi một phần đất ở ấp T làm đường và bồi thường tiền cho các anh chị em bà, ông N nhận được thông báo của Thi hành án thông báo đến nhận tiền bồi thường và tiền án phí được hoàn trả thì ông N mượn điện thoại của dì chị N tên D gọi báo cho chị N hay. Sau đó, ông N nói với bà D là ông N chỉ nhận tiền chứ đất thì ông N cho ông P, khi gặp bà thì bà D kể lại cho bà nghe. Một lần khác, bà không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ có lần anh chị em ngồi chung với nhau, có mặt ông P, bà, bà P, ông N thì ông N nói với ông P là ông P đại diện cho các em là bà, bà P, ông N khởi kiện yêu cầu bà P chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại, nếu thắng kiện thì ông N cho ông P một phần đất nhưng không nói rõ phần đất ngang, dài bao nhiêu. Sau khi thắng kiện đòi được đất thì ông N đổi ý, nói không cho nữa, bà không biết rõ lý do gì ông N đổi ý. Nếu ông N không khởi kiện, không hứa cho đất sau khi thắng kiện thì ông P, chị N sẽ không đi thừa kiện hay nhận ủy quyền thay ông N. Mặc khác, ông P cũng từng nói với bà và bà P là ông P đại diện các em đi thừa kiện thì khi Tòa án giải quyết xong vụ án chi phí bao nhiêu thì các em phụ tiếp cho ông P. Việc bà, bà P, ông N ủy quyền cho ông P, chị H khởi kiện chia thừa kế và có hứa sau khi thắng kiện cho đất thì không có làm văn bản hay giấy tờ gì, chỉ có anh em thỏa thuận miệng với nhau.

Sau khi thắng kiện và bản án có hiệu lực thì bà và bà P cũng đã thống nhất cho chị N phần đất có diện tích chiều ngang 03m, chiều dài từ mí đường đến hết đất còn ông N thì nói bà và bà P cho thì cho, ông N không cho đất gì cả. Khi cán bộ Thi hành án xuống giao đất cho bà, bà P1, bà P, ông N và chị N (hưởng phần của ông P) thì bà P và ông N đã đổi đất với nhau. Nghĩa là, trước đây phần thừa kế của bà P là giáp ranh với bà P nay đổi lại phần của bà P giáp ranh với bà, việc bà P đổi đất với ông N không có làm văn bản, giấy tờ gì với ông N, không biết cán bộ Thi hành án có cho bà P và ông N đổi đất không, hiện bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà có từng khuyên ông N cho đất chị N nhưng ông N không đồng ý. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất được hưởng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 bà Ngô Thị D, trình bày: Bà là dì ruột của chị N, không có mâu thuẫn gì với hai bên. Chỉ nhớ vào khoảng 18 -19 giờ không nhớ ngày, tháng 08 năm 2019 thì ông N có đến nhà bà để xin số điện thoại của chị N nhưng ông N điện thoại cho chị N không được nên mượn điện thoại của bà để gọi. Sau đó, ông N nói với bà là thắng kiện gì đó kêu chị N về xem giấy tờ, do chị N đi Bình Dương thăm mẹ ruột, ông N trực tiếp nói với bà là “nữa chị N về cho đất bán trả nợ cho ông P”, không biết ông N nói cho đất như thế nào, tại đâu, khi ông N nói với bà thì không có người nào khác chứng kiến nhưng khi ông N vừa nói xong việc cho đất thì bà có gọi điện thoại nói chuyện với chị N là “chú ba mày (là ông N) được ghê, cho mày đất để bán trả nợ” và lúc bà gọi điện thoại nói chuyện qua lại với chị N thì cô tư chị N là bà Q cũng ở gần nghe bà nói chuyện điện thoại với chị N việc ông N hứa cho đất. Bà chỉ biết có bao nhiêu. Ngoài ra, bà không biết việc gì khác. Khi chị N đi thưa kiện thì đem con gởi cho bà giữ dùm, không biết việc chị N, ông P thưa kiện như thế nào, cũng không biết chi phí, công sức đi thưa kiện tốn bao nhiêu tiền, vì bà không hỏi thăm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 ông Ngô Công L, trình bày: Ông không có bà con hay mâu thuẫn với ông N, chị N, chỉ là hàng xóm. Không nhớ ngày tháng năm chị N mời ông đến dự đám giỗ của ông P thì có mặt ông N và ông Trương Văn B, có nghe trực tiếp ông N nói với ông là “ông P thưa kiện với bà P1 nếu giành được đất thì ông P cứ lấy chứ ông N không lấy đất”. Nghĩa là, ông P thưa được đất thì ông P lấy. Lần khác, không nhớ ngày tháng năm ông có gặp trực tiếp ông N nên ông hỏi thăm ông N là “vụ tranh chấp đất giữa ông P, bà P1 sao rồi?” thì ông N trả lời là “ông P thưa gì thì thưa, chứ ông N không tiếp ai, đất thì ông N không lấy”. Ông nhớ khi đám giỗ ba ông N là cụ P1 thì ông hỏi ông N “sao không vô đám tang ông P1?” thì ông N trả lời là “không vô”. Lúc ông P còn sống có từng nói với ông “đi thưa kiện ông N không tiếp gì?, nghĩa là, ông N không đi thưa kiện cùng ông P, còn việc ông N có ủy quyền cho ông P đại diện đi thưa kiện không thì ông không biết. Phần đất mà ông N nói “không lấy” (là không nhận đất) là phần đất ở mé sông T (kênh T). Từ trước đến nay ông không có nghe ông P hay ông N nói là ông P đi thưa kiện thì chi phí ông P chịu hết, nếu được thì ông N lấy còn nếu thua kiện thì ông P tự chịu chi phí. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020 ông Trương Văn B, trình bày: Ông có bà con với ông P, ông N nhưng không có mâu thuẫn với ông N và chị N. Ông nhớ một lần đám giỗ ông P, có mặt ông, ông L thì ông trực tiếp nghe ông N nói là “ông P đang thưa kiện với bà P phần đất ở kênh T nếu ông P thắng kiện giành được đất là ông P lấy đất, chứ ông N không lấy đất”. Lúc đó, ông P, ông N rất thuận thảo. Sau khi thắng kiện thì chị N gặp ông N để bàn bạc thỏa thuận về việc ông N cho một phần đất cho chị N, vì ông P, chị N có công đi thưa kiện giành đất cho ông N thì ông N không thống nhất nên hai bên tiếp tục tranh chấp. Theo ông lý do ông N không chịu giao một phần đất thắng kiện tại Tòa án là do ông P chết nên ông N nghĩ các con ông P không làm gì được. Ông chưa từng nghe ông P, ông N nói ông P đi thưa kiện bà P thì chi phí ông P chịu hết, nếu thắng kiện thì ông N lấy đất, nếu thua kiện thì ông P tự chịu hết chi phí. Lúc đám giỗ ông P thì ông trực tiếp nghe chị N, ông N nói với nhau, chị N hỏi ông N vụ tranh chấp với bà P được đất thì

ông N tính sao, ý chị N là cho đất chị N thì ông N trả lời “mày thừa được thì lấy”. Nghĩa là, ông N không cho đất chị N. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại công văn số 709/CNVPĐKĐĐ ngày 25/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung “Qua đối chiếu hồ sơ địa chính, hiện tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN đã thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Ngọc T; các đương sự còn lại nhận quyền theo bản án số 133/2019/DS-PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT chưa thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định”.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Việc chị N yêu cầu ông N thực hiện lời hứa thưởng cho đất chiều ngang 3m, chiều dài 63m khi chị N đại diện cho ông N tham gia kiện tại Tòa án, vụ chia tài sản thừa kế là có căn cứ. Bởi vì, căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 18/7/2018 có hai bên ký tên và được chứng thực của Ủy ban nhân dân phường A, giấy ủy quyền này là đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, căn cứ vào các lời khai của người làm chứng như ông L, ông B, bà D, bà Q, bà P khai đều biết và có trực tiếp nghe ông N nói khi thắng kiện ông không lấy phần đất được chia mà cho ông P bán để trả nợ. Căn cứ vào các tài liệu, lời khai các nhân chứng, thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn N di dời cây trồng trên đất để giao cho chị N diện tích đất có chiều ngang 03m chiều dài theo hiện trạng thực tế của đất, thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 5 theo bản án số 133/2019/DS-PT, đất tọa lạc tại ấp T, xã T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn N thực hiện lời hứa thưởng giao cho chị phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN theo quy định tại Điều 570 của Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn N, người làm chứng bà Ngô Thị D, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị P, ông Ngô Công L, ông Trương Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, bà D, bà Q, bà P, ông L, ông B đã có lời khai với Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo mảnh trích đo số 14-2020 ngày 12/02/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HN thì phần đất tranh chấp có diện tích 180m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 930, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã T, huyện HN.

[4] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Văn N thực hiện lời hứa thưởng giao chị N phần đất theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 180m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc từ M6, M7, M13, M14 trở lại M6 thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT từ phần đất ông N được hưởng theo bản án số 26/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án số 133/2019/DS-PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT. Hội đồng xét xử nhận thấy việc hứa thưởng quyền sử dụng đất giữa ông Thanh P, chị Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn N tuy không thành lập bằng văn bản nhưng ông N thừa nhận có ủy quyền cho ông P (giấy ủy quyền 08/7/2016 và ngày 21/02/2018) và khi ông P chết thì ông N tiếp tục ủy quyền cho chị N (giấy ủy quyền ngày 18/7/2018) để tranh chấp chia thừa kế với bà Nguyễn Thị P. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị P đều trình bày bà P, bà Q, ông N đều ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng tại Tòa án và thống nhất cho ông P một phần đất tranh chấp với bà P có chiều ngang 03m chiều dài từ đường đến hết đất và khi ông P chết, chị N tiếp tục tham gia tố tụng nên bà Q, bà P đã thực hiện lời hứa của mình cho chị N phần đất như đã hứa. Mặt khác, người làm chứng ông Ngô Công L, ông Trương Văn B đều trình bày trực tiếp nghe ông N nói “đất tranh chấp tại kinh T với bà P thì ông N không lấy đất”. Do chị N đã thực hiện xong công việc được ủy quyền từ ông Nguyễn Văn N nên yêu cầu ông N thực hiện lời hứa thưởng giao chị N phần đất có diện tích 180m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc từ M6, M7, M13, M14 trở lại M6 thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định Điều 570, 572 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ông Nguyễn Văn N cho rằng ông và ông P có thỏa thuận là ông P đại diện ông N yêu cầu chia thừa kế tài sản với bà P1 nếu thắng kiện thì đất ông N lấy (nhận) còn tất cả các chi phí tố tụng ông P đều phải chịu và ông không có hứa cho chị N, ông P tiền hay đất khi đại diện cho ông tranh chấp thừa kế với bà P1 và ông chỉ ủy quyền cho chị N để nhận phần thừa kế của ông P, ông N không thừa nhận có ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông N không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại bản án số 26/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện HN và bản án số 133/2019/DS-PT ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐT đã thể hiện người đại diện theo ủy quyền cho ông N là chị Nguyễn Thị N. Đồng Thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2019 ông N trình bày “sau khi ông P chết thì ông không có tham gia hòa giải hay liên hệ với Tòa án huyện HN cũng như khi tòa án tỉnh ĐT xét xử”. Như vậy, ông N có ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng tại Tòa án là sự thật. Việc ông N tự nguyện cho chị N 5.000.000đ nhưng chị N không thống nhất nhận 5.000.000đ nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[6] Tuy ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Q hứa thưởng quyền sử dụng đất cho ông P nhưng khi ông P chết thì ông N, bà Q, bà P tiếp tục ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng tại Tòa án để tranh chấp chia thừa kế



với bà Nguyễn Thị P1. Đồng thời, bà Ngô Thị Lệ T là vợ ông P, anh Nguyễn Ngọc T là con ông P là người thừa kế của ông P cũng thống nhất trình bày nếu chị N được ông N thực hiện việc hứa thưởng bằng quyền sử dụng đất hay tiền thì bà T, anh T cũng thống nhất giao cho chị N được sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị N nhận thưởng.

[7] Từ những phân tích trên cho thấy ông Nguyễn Văn N hứa với ông Nguyễn Thanh P, chị Nguyễn Thị N khi nào thắng kiện trong vụ án tranh chấp chia thừa kế với bà Nguyễn Thị P1 thì sẽ cho ông P phần đất là có thật. Khi ông P chết thì ông N tiếp tục ủy quyền cho chị N tranh chấp chia thừa kế với bà P1. Đến nay, việc tranh chấp chia thừa kế với bà P1 đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và yêu cầu của ông N do ông P, chị N đại diện đã thắng kiện (đã thực hiện xong công việc ủy quyền). Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ để chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn N phải di dời cây trồng và tài sản (nếu có) trên đất để giao cho chị Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 180m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc từ M6, M7, M13, M14 trở lại M6 thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 5.148.000đ do yêu cầu của chị N được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn N phải chịu chi phí này, chị N đã tạm ứng và chi xong nên buộc ông N phải có trách nhiệm trả lại cho chị N 5.148.000đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 307.000đ theo biên lai thu số 0001048 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ đối với yêu cầu của chị N được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, Điều 144, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 570, Điều 572 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn N di dời cây trồng và tài sản gắn liền với đất (nếu có) giao cho chị Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 180m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc từ M6, M7, M13, M14 trở lại M6 thuộc một phần thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/02/2020 và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 12/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN, tỉnh ĐT).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 5.148.000đ chị Nguyễn Thị N đã tạm ứng và chi xong nên buộc ông Nguyễn Văn N phải trả lại cho chị Nguyễn Thị N 5.148.000đ (Năm triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Chị Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 307.000đ theo biên lai thu số 0001048 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3.2 Ông Nguyễn Văn N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**